|  |
| --- |
| **MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020-2021**  **Môn: VẬT LÍ LỚP 8**  Thời gian làm bài: 45 phút |

*(Kèm theo Công văn số 1749/SGDĐT-GDTrH ngày 13/10/2020 của Sở GDĐT Quảng Nam)*

**1. Phạm vi kiến thức:** Từ bài 16 đến hết bài 21 theo SGK *( Kiến thức không kiểm tra : Thực hiện theo Công văn số3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 Bộ GDĐT)*

**2.** **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp TNKQ (50%) và TL (50%)

**3. Thời gian làm bài :** 45 phút

**4. Thiết lập ma trận đề kiểm tra:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | | | | |  |
| TNKQ | | TL | TNKQ | | | TL | **Cấp độ thấp** | | | | **Cấp độ cao** | | | **Cộng** |
| TNKQ | | | TL | TNKQ | TL | |  |
| **1. Công, công suất - Cơ năng** | 1. Phát biểu được định luật bảo toàn công cho các máy cơ đơn giản.  2. Nêu được đơn vị đo công.  3. Nêu được công suất là gì  4. Viết được công thức tính công suất và nêu đơn vị đo công suất.  5. Nêu được vật có khối lượng càng lớn, vận tốc càng lớn thì động năng càng lớn.  6. Trình bày được khái niệm cơ năng. | | | 1. Nêu được ví dụ về lực khi thực hiện công và không thực hiện công.  2. Viết được công thức tính công cơ học cho trường hợp hướng của lực trùng với hướng dịch chuyển của điểm đặt lực.  3. Nêu được 02 ví dụ minh họa cho định luật về công  4. Nêu được ý nghĩa số ghi công suất trên các máy móc, dụng cụ hay thiết bị.  5. Nêu được khi nào vật có cơ năng.  6. Nêu được vật có khối lượng càng lớn, ở độ cao càng lớn thì thế năng càng lớn.  7. Nêu được ví dụ chứng tỏ một vật đàn hồi bị biến dạng thì có thế năng. | | | | 1. Vận dụng được công thức A = F.s để giải được các bài tập khi biết giá trị của hai trong ba đại lượng trong công thức và tìm đại lượng còn lại.  2. Vận dụng được công thức  để giải được các bài tập tìm một đại lượng khi biết giá trị của 2 đại lượng còn lại. | | | | 1. Vận dụng được công thức A = F.s và P =  để giải các bài toán phức tạp | | |  |
| ***Số câu*** | *3 câu* | | *1 câu* | *2 câu* | | *1 câu* | | *0* | | *1 câu* | | *0* | | *1 câu* | **9 câu** |
| ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | *1,5đ*  *15%* | | *0,5đ*  *5%* | *1,0đ*  *10%* | | *0,5đ*  *5%* | | *0* | | *1đ*  *5%* | | *0* | | *1đ*  *10%* | **5,5 điểm**  **55%** |
| **2. Cấu tạo chất và nhiệt năng.** | 1. Nêu được các chất đều cấu tạo từ các phân tử, nguyên tử.  2. Nêu được giữa các phân tử, nguyên tử có khoảng cách.  3. Nêu được các phân tử, nguyên tử chuyển động không ngừng  4. Nêu được khi ở nhiệt độ càng cao thì các nguyên tử, phân tử cấu tạo nên vật chuyển động càng nhanh.  5. Phát biểu được định nghĩa nhiệt năng.  6. Phát biểu được định nghĩa nhiệt lượng và nêu được đơn vị đo nhiệt lượng là gì. | | | 1. Hiểu được vì sao nhiệt độ của vật càng cao thì nhiệt năng của nó càng lớn.  2. Nêu được tên hai cách làm biến đổi nhiệt năng.  3. Tìm được ví dụ minh hoạ cho mỗi cách (Thực hiện công và truyền nhiệt). | | | | 1. Giải thích được một số hiện tượng xảy ra do giữa các phân tử, nguyên tử có khoảng cách.  2. Giải thích được một số hiện tượng xảy ra do các nguyên tử, phân tử chuyển động không ngừng. Hiện tượng khuếch tán. | | | |  | | |  |
| ***Số câu*** | *3 câu* | *1 câu* | | *2 câu* | *1 câu* | | | *0* | *1 câu* | | | *0* | | *0* | **8 câu** |
| ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | *1,5đ*  *15%* | *0,5đ*  *5%* | | *1đ*  *5%* | *0,5đ*  *5%* | | | *0* | *1đ*  *10%* | | | *0* | | *0* | **4,5 điểm**  **45%** |
| ***Tổng số câu*** | **8 câu** | | | **6 câu** | | | | **2 câu** | | | | **1 câu** | | | **17 câu** |
| ***Tổng số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | **4 điểm**  **40%** | | | **3 điểm**  **30%** | | | | **2 điểm**  **20%** | | | | **1 điểm**  **10%** | | | **10 điểm**  **100%** |